

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/ 2019

V/v “Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hào

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNST ngày 05 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXX ngày 16 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Châu Thanh T, sinh năm 1988(Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 340, đường Q, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Ngô Thị Mỹ H, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 340, đường Q, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/2/2019, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn anh Châu Thanh T trình bày: Anh và chị Ngô Thị Mỹ H tổ chức cưới hỏi vào tháng 7/2018, trước khi đi đến hôn nhân, anh chị có thời gian tìm hiểu ngắn và đã có quan hệ tình cảm với nhau trước khi cưới có 01 người con chung, tự nguyện đi đến hôn nhân, có Giấy đăng ký kết hôn do UBND phường B cấp.

Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng với gia đình anh ở phường B, cuộc sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do H thay đổi tính tình, ăn nói hỗn láo, chi tiêu hoang phí, nhất là việc mua hàng có khi mua những mặt hàng không sử dụng đến và cả những đồ ăn vật cũng như đồ dùng đắt tiền, H mua các chủ hàng quen nhưng chủ yếu là mua hàng qua mạng và H liên lạc gặp những người thân với gia đình của anh nhờ họ nhận hàng, trả tiền dùm, rồi sau đó họ lại đến nhà đưa hàng, có khi H cứ gọi qua nhà xe nơi anh đang lái xe thuê, anh phải trả tiền, lấy hàng đem về và vợ còn mua

nợ một số người bán hàng ở cùng địa phương nữa. Anh có giải thích và khuyên bảo thì H làm to chuyện, chửi mắng, ăn nói thiếu tế nhị với anh và gia đình, rồi còn đòi thuê nhà ở riêng, anh không đồng ý, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường lời qua tiếng lại, có lần quá bức tức do quá hỗn láo nên anh có đánh bạt tai thì vợ liền đập máy điện thoại mới mua, cứ mỗi lần kinh cãi là vợ đòi ly hôn và còn nhiều lần thách thức anh cứ ra Tòa đi để H sớm cắt hộ khẩu ra khỏi gia đình, chứ không muốn sống chung với nhau nữa. Nhiều lần H còn nhắn tin hăm dọa đến tính mạng của anh và xung hô rất hỗn láo. Đến đầu năm 2019 thì H dẫn con bỏ đi cho đến nay, hiện anh không còn tình cảm với vợ nữa, nên yêu cầu được ly hôn với cô Ngô Thị Mỹ H. H biết việc Tòa giải quyết ly hôn nhưng cố tình không đến Tòa, anh cũng đã cung cấp cho Tòa nơi ở nhưng H chỉ đến đó ở thời gian ngắn rồi tiếp tục bỏ đi, hiện anh không biết được nơi ở mới của vợ. Anh cũng có liên lạc với vợ nhưng vợ cho rằng đã làm đơn yêu cầu gửi Tòa giải quyết vắng mặt và không muốn gặp nhau nữa.

Vợ chồng có 01 con chung tên Châu Hồng P, sinh ngày 13/11/2017, hiện đang sống cùng với H. Ly hôn, H tiếp tục nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con, khi anh biết nơi ở của H, anh sẽ tự cấp dưỡng hoặc thỏa thuận với H về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ, anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Ngô Thị Mỹ H không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự, nhưng chị H không chấp hành. Một số người dân ở cùng địa phương đều xác định, sau khi cưới, T đi lái xe còn chị H ở chung với gia đình chồng, nhưng sau đó nghe vợ chồng kinh cãi, H dẫn con bỏ đi và nói không sống chung với chồng nữa.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Ngô Thị Mỹ H đã được Tòa triệu tập và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, chị đã biết Tòa án thụ lý vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Châu Thanh T cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Mỹ H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Châu Hồng P, sinh ngày 13/11/2017, chị H đang nuôi dưỡng, nên tiếp tục giao người con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

- Về tài sản chung và nợ: Không có yêu cầu giải quyết, miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mặt tố tụng

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Ngô Thị Mỹ H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, mặt khác chị H hiện nay đã thay đổi địa chỉ mới không thông báo cho nguyên đơn là anh Châu Thanh T biết nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, Tòa cũng đã niêm yết các thủ tục theo quy định pháp luật nên theo khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H .

[2] Về mặt nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện đi đến hôn nhân, sau khi có con chung với nhau, anh chị mới làm thủ tục cưới hỏi và đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyền số 01 ngày 24/7/2018 của UBND phường B, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình sống chung, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị H ham mê sắm đồ và đã làm mất lòng tin một số người thân, khi chị nhờ họ nhận hàng do chị mua qua mạng và trả tiền, còn anh T cho rằng, anh đã khuyên bảo, giải thích về việc chi tiêu không hợp lý của vợ thì H làm to chuyện, nhiều lần đòi thuê nhà ở riêng và ăn nói thiếu tế nhị xúc phạm đến anh và gia đình anh, chị H lại tự dẫn con bỏ đi, sau đó có quay về để lấy đồ đạc nhưng chị lại không bàn bạc với nhau để chia sẻ. Chị đã biết Tòa thụ lý vụ án nhưng không đến Tòa mà dẫn con bỏ đi, cố tình vắng mặt. Qua liên lạc giải thích thì chị có gửi Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ghi vào ngày 03/4/2019 với nội dung “ Cho tôi vắng mặt vì có con nhỏ, vợ chồng cãi nhau, tôi đưa con về nhà mẹ để sống, nay tôi yêu cầu Tòa xem xét và xử cho mẹ con tôi có quyền tự do...”. Sau khi nhận được đơn Tòa căn cứ địa chỉ chị H gửi đến để làm thủ tục ủy thác đến Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, nhờ Tòa tiến hành lấy lời khai cụ thể nhưng chị H không có cư trú ở địa chỉ trên mà đã thay đổi nơi ở khác nên theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của HĐTP TANDTC ...” *Trường hợp bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới ... được coi là cố tình giấu địa chỉ thì Tòa tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung....”* . Qua xác minh một số người dân ở địa phương thì họ cũng cho rằng: H ăn nói thiếu tế nhị với gia đình chồng và khi bỏ đi lại nói không sống chung với chồng nữa, những thứ đồ dùng H mua nhưng không sử dụng đến và cũng có việc H nhờ người thân nhận hàng hộ. Ngoài ra, theo đơn thì chị H cho rằng tiền đám cưới mẹ chồng giữ, tiền chồng làm về đưa cho mẹ chồng giữ. Từ đó, xung đột vợ chồng trầm trọng là do không tin tưởng nhau, không chia sẻ nhau những công việc trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, không quan tâm nhau và chị H đã dẫn con bỏ đi không muốn chung sống với anh T nữa. Qua phân tích ở trên, HĐXX có cơ sở để xác định mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, do đó việc anh T yêu cầu ly hôn chị Ngô Thị Mỹ H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo Bản sao trích lục khai sinh số 1960/TLKS-BS ngày 07/12/2018 của UBND phường T, quận T, Thành phố H thể hiện cháu Châu Hồng P,

sinh ngày 13/11/2017 có tên mẹ là Ngô Thị Mỹ H và tên cha là Châu Thanh T, anh T cũng xác định vợ chồng có 01 người con chung là cháu Châu Hồng P còn chị H trình bày là *xin vắng mặt vì tôi có con nhỏ, vợ chồng cãi nhau nên đưa con về nhà mẹ để sống, cho mẹ con tôi có quyền tự do*. Qua viện dẫn trên HĐXX xác định vợ chồng anh T- chị H có 01 người con chung tên Châu Hồng P, sinh ngày 13/11/2017 đang ở với chị H, nên giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu P cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp. Còn về cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T, và sẽ giải quyết khi có đơn yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự, không có ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội, thì anh Châu Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

- Áp dụng các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Châu Thanh T ly hôn với chị Ngô Thị Mỹ H .

2. Về nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con chung tên Châu Hồng P, sinh ngày 13/11/2017 cho chị Ngô Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung sau ly hôn cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con, có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Anh Châu Thanh T phải chịu 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008950 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Anh Châu Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Ngô Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS. TX A;
- UBND phường B
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Oanh

